

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN
Số: 48 /QĐ -THPT.CVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Nghĩa, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai thuyết minh, công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước, nguồn thu (học phí, dạy thêm học thêm, nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND, khuyến học) 6 tháng đầu năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước, nguồn thu (học phí, dạy thêm học thêm, nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND, khuyến học) 6 tháng đầu năm 2025

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố Công khai thuyết minh, công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước, nguồn thu (học phí, dạy thêm học thêm, nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND, khuyến học) 6 tháng đầu năm 2025 của Trường THPT Chu Văn An (Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Các bộ phận có liên quan thực hiện quyết định này./

Nơi nhận :

- Hội đồng trường(để báo cáo)
- Các đoàn thể nhà trường (để p/h)
- Website trường
- Lưu VT- KT


HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Hải Yến

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THPT Chu Văn An
Chương: 422



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 48/QĐ-THPT.CVA ngày 30 tháng 6 năm 2025)

(NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm (bao gồm cả năm trước chuyển qua	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1	2	3	4	5	6
I	NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	19.116.902.192	10.767.683.370		
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí			-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.116.902.192	10.767.683.370		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.002.000.000	9.441.091.050		
1.1	Lương và chi thường xuyên	14.842.000.000	9.441.091.050		
1.2	Ngân sách nhà nước hỗ trợ /cấp chi thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập	160.000.000			
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.114.902.192	1.326.592.320		
2.1	Loại 070, khoản 074	4.062.102.192	1.326.592.320		
2.1.1	Thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	33.500.000	33.500.000		
2.1.2	Chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	43.000.000		-	
2.1.3	Chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	-43.000.000		-	
2.1.4	Chính sách theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	16.000.000		-	
2.1.5	Chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	1.064.880.000			
2.1.6	Chính sách Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh (hỗ trợ về giáo dục cho Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo)	11.000.000		-	
2.1.7	Chế độ, chính sách cho hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 thuộc lĩnh vực giáo dục theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2.066.722.192	1.163.092.320		

2.1.8	Hỗ trợ kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm để ôn tập, bồi dưỡng học sinh lớp 12 tham gia kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025	130.000.000	130.000.000		
2.1.9	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	740.000.000		-	
2.2	Loại 070,Khoản 085	52.800.000		-	
2.2.1	Đào tạo cán bộ công chức, viên chức	52.800.000		-	

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THPT Chu Văn An
Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 48 /QĐ-THPT.CVA ngày 30 tháng 6 năm 2025)
(NGUỒN THU)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Thu 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	NGUỒN THU (HỌC PHÍ, NGHỊ QUYẾT 06, KHUYẾN HỌC, TÀI TRỢ, DẠY THÊM, HỌC THÊM)	1.119.200.017	821.927.621		
1	Nguồn thu học phí	285.979.271	43.875.910		
2	Nguồn thu theo Nghị quyết 06/2021/HĐND	182.024.100	181.761.012		
3	Nguồn dạy thêm, học thêm.	408.086.646	392.070.699		
4	Khuyến học	243.110.000	204.220.000		

Người ký: Nguyễn Diễm Nghĩa
Ngày ký: 30/06/2025 19:19:50
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 24 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực XIV
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Chu Văn An.

Mã ĐVQHNS: 1090355

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DƯ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	074	6051	00000	0	0	445.227.120	1.010.952.774	445.227.120	1.010.952.774
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	49.827.960	114.029.370	49.827.960	114.029.370
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	8.541.936	19.547.892	8.541.936	19.547.892
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	4.709.016	12.046.320	4.709.016	12.046.320
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	2.847.312	6.515.964	2.847.312	6.515.964
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	130.000.000	130.000.000	130.000.000	130.000.000
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	0	33.500.000	0	33.500.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	2.557.883.180	4.461.642.240	2.557.883.180	4.461.642.240
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	32.198.400	48.228.804	32.198.400	48.228.804
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	33.693.454	60.461.074	33.693.454	60.461.074
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	311.805.000	542.295.000	311.805.000	542.295.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	3.744.000	6.552.000	3.744.000	6.552.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	847.415.790	1.479.819.978	847.415.790	1.479.819.978
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	1.872.000	3.276.000	1.872.000	3.276.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	421.359.232	732.533.288	421.359.232	732.533.288

Phụ cấp khác	13	074	6149	00000		0		0	5.850.000	9.360.000	5.850.000	9.360.000
Tiền lương thường xuyên	13	074	6201	00000		0		0	87.750.000	87.750.000	87.750.000	87.750.000
Chi khác	13	074	6299	00000		0		0	6.102.770	10.753.450	6.102.770	10.753.450
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000		0		0	528.117.900	922.805.076	528.117.900	922.805.076
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000		0		0	90.534.496	158.195.154	90.534.496	158.195.154
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000		0		0	30.047.528	75.170.184	30.047.528	75.170.184
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000		0		0	30.178.166	52.731.719	30.178.166	52.731.719
Chi khác	13	074	6449	00000		0		0	36.894.000	37.854.000	36.894.000	37.854.000
Tiền điện	13	074	6501	00000		0		0		5.214.061	0	5.214.061
Tiền vệ sinh, môi trường	13	074	6504	00000		0		0	0	1.920.000	0	1.920.000
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000		0		0	15.542.866	17.192.866	15.542.866	17.192.866
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	074	6552	00000		0		0	0	24.000.000	0	24.000.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000		0		0	31.777.952	35.819.852	31.777.952	35.819.852
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	00000		0		0	156.967	300.331	156.967	300.331
Cước phí bưu chính	13	074	6603	00000		0		0	828.430	1.004.686	828.430	1.004.686
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000		0		0	2.803.549	5.852.162	2.803.549	5.852.162
Phiếu ăn, ăn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000		0		0	1.403.400	2.660.800	1.403.400	2.660.800
Khác	13	074	6649	00000		0		0	5.890.000	5.890.000	5.890.000	5.890.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000		0		0	13.340.000	13.340.000	13.340.000	13.340.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000		0		0	48.400.000	48.400.000	48.400.000	48.400.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000		0		0	43.450.000	43.450.000	43.450.000	43.450.000
Khoản công tác phí	13	074	6704	00000		0		0	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000		0		0	12.700.000	12.700.000	12.700.000	12.700.000
Chi phí thuê muốn khác	13	074	6799	00000		0		0	0	16.830.000	0	16.830.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000		0		0	14.670.000	14.670.000	14.670.000	14.670.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	074	6913	00000		0		0	7.310.000	7.310.000	7.310.000	7.310.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000		0		0		17.950.000	0	17.950.000

Đường phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	074	7004	000000	0	0	0	13.800.000	0	13.800.000
Chi khác	13	074	7049	000000	0	0	149.035.205	315.910.405	149.035.205	315.910.405
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	074	7053	000000	0	0	0	9.000.000	9.000.000	9.000.000
Chi tiếp khách	13	074	7761	000000	0	0	0	19.880.000	19.880.000	19.880.000
Chi các khoản khác	13	074	7799	000000	0	0	0	84.997.920	43.918.920	84.997.920
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	000000	0	0	0	24.570.000	14.040.000	24.570.000
Cộng:					0	0	6.109.746.549	10.767.683.370	6.109.746.549	10.767.683.370
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Ngọc Bích

Người ký: Nghĩa31 Nguyễn Diên
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường, Khoa v.v., NTP

Nghĩa31 Nguyễn Diên

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Hải
Chức danh: Thủ trưởng đơn vị
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Chu Văn An.

Nguyễn Thị Hải

Người ký: Phạm Thị Hải Yến
Chức danh: Thủ trưởng đơn vị
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Chu Văn An.

Phạm Thị Hải Yến